

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ APL VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ APL VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: APL VIETNAM EQUIPMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: APL VIETNAM EQUIPMENT., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110786185

3. Ngày thành lập: 17/07/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 86 ngõ 318 phố Ngọc Trì, tổ 10, Phường Thạch Bàn, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0937259368

Fax:

Email: Ktanphatloc@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
2.	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu	9529
3.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	8299
4.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (Trừ hoạt động đấu giá)	6820
5.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô (Điều 9 Nghị định 10/2020/NĐ-CP)	4933
6.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô (Điều 9 Nghị định 10/2020/NĐ-CP)	5012
7.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô (Điều 9 Nghị định 10/2020/NĐ-CP)	5022
8.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
9.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
10.	Bốc xếp hàng hóa	5224
11.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
12.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
13.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520(Chính)
14.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
15.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220

16.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
17.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
18.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
19.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
20.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
21.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
22.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
23.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
24.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
25.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
26.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
27.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
28.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
29.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
30.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
31.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
32.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
33.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4513
34.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4530
35.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá)	4541
36.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
37.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá)	4543
38.	Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa (Trừ hoạt động đầu giá)	4610
39.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
40.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Không bao gồm dược phẩm và dụng cụ y tế)	4649
41.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
42.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
43.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
44.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Không bao gồm máy móc, thiết bị y tế)	4659
45.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661

46.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
47.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
48.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
49.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
50.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
51.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
52.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
53.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
54.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
55.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
56.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
57.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
58.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
59.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
60.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 300.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN ĐÌNH DƯƠNG	Phòng 612 tòa D17 khu đô thị Đặng Xá, Xã Đặng Xá, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	0400890322 67	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	255.000	2.550.000.000	85,000		
			Cổ phần phổ thông	255.000	2.550.000.000	85,000		
2	NGUYỄN THỊ MAI	Phòng 612 tòa D17 khu đô thị Đặng Xá, Xã Đặng Xá, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	30.000	300.000.000	10,000	0401900401 70	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	30.000	300.000.000	10,000		

3	NGUYỄN VĂN THỨ	Nhà số 8/50 ngách 318/62 Phố Ngọc Trì, Phường Thạch Bàn, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	15.000	150.000.000	5,000	0400980071 08
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	15.000	150.000.000	5,000	

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

* Ho và tên: NGUYỄN THI MAI

Chức danh: *Giám đốc*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Ngày cấp: 06/03/2023 Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: *Xóm Liên Hiệp 2, Xã Nghĩa Thành, Huyện Nghĩa Đàn, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: Phòng 612 tòa D17 khu đô thị Đặng Xá, Xã Đặng Xá, Huyện Gia Lâm,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội